

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

*Bản án số: 45/2018/HS-ST
Ngày 06-9-2018*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Ông Nguyễn Đình Hùng.
 2. Bà Lê Thị Hồng.
- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Phương Thùy.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2018/TLST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2018/QĐXXST-HS ngày 24/8/2018 đối với các bị cáo:

Nguyễn Thị Phương T; sinh ngày: 10/4/1995 tại Quảng Nam; nơi cư trú: Khối phố B, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đăng T; sinh năm 1969; con bà Nguyễn Thị K; sinh năm 1971; Chồng: Nguyễn Thanh T, sinh năm 1994, Con : Nguyễn Thanh Chí K, sinh ngày 20.10.2015; Tiền án, tiền sự: chưa;

Nhân thân: Ngày 24.10.2011: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi Trộm cắp tài sản với thời gian là 24 tháng.

Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Nguyễn Thị S (Tên gọi khác: P); sinh ngày: 01/8/1998 tại Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn 1, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Tấn H; sinh năm 1971; con bà Nguyễn Thị T; sinh năm 1968; có

con là Nguyễn Thanh T sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: chưa; Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

- Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1939. Trú tại: Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1974. Trú tại: Thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

- Ông Lê T, sinh năm: 1960. Trú tại: Thôn Cẩm Toại Đông, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Bà Đặng Thị Y, sinh năm: 1962. Trú tại: Thôn 5, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Ông Nguyễn D, sinh năm: 1962. Trú tại: Tổ 5 thôn K, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Bà Đoàn Thị Ngọc L, sinh năm: 1957. Trú tại: Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Phạm Thị Thúy K, sinh năm: 1999. Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

- Ông Lê Công H, sinh năm: 1988. Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1994. Trú tại: Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

- Bà Lê Thị Diễm T, sinh năm: 1983. Trú tại: Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Ông Lê H, sinh năm: 1956. Trú tại: Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1985. Trú tại: Thôn K, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Ông Phạm Thế T, sinh năm: 1990. Trú tại: Thôn H, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Ngọc P, sinh năm: 1984. Trú tại: Thôn H, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Đoàn Văn L, sinh năm: 1962. Trú tại: Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 15 Pt ngày 25/01/2018, Nguyễn Thị Phương T điều khiển xe mô tô hiệu SH125, màu trắng – đen, mang biển số 92H1 – 193.74 chở Nguyễn Thị S đến quán tạp hóa của bà Nguyễn Thị S thuộc thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng để trộm cắp tài sản. Khi đến quán tạp hóa của bà S, T dừng xe bên mép đường trước quán tạp hóa, T và S đi vào bên trong quán. Thấy không có ai trong coi, T đứng cạnh giới, S mở cửa tủ lấy một xấp tiền để trong tủ với tổng số tiền là 1.830.000đ. Sau đó, T và S vừa quay người ra thì bị anh Đoàn Văn L cùng những người xung quanh bắt giữ. Sau đó, lực lượng Công an đến lập biên bản và đưa về trụ sở Công an làm việc.

Qua làm việc với cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa Vang thì T và S khai nhận còn thực hiện các vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Hòa Vang như sau:

Lần 1: Vào trưa ngày 27/11/2017, như đã bàn bạc thỏa thuận từ trước, T điều khiển xe mô tô hiệu Exciter màu đỏ- đen, biển số 43F1-016.83 chở S đi tìm quán tạp hóa sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đến quán tạp hóa của bà Nguyễn Thị H thuộc thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, S là người đứng ngoài cạnh giới, T là người trực tiếp vào bên trong quán, lợi dụng chủ quán không để ý, T đã mở tủ kính lấy ở bên trong một số card điện thoại gồm nhiều loại và mệnh giá khác nhau trị giá 3.500.000 đồng, số card này cả hai chia nhau và sử dụng tiêu xài hết.

Lần 2: Vào buổi trưa một ngày cuối tháng 12/2017, S rủ T đi tìm quán tạp hóa sơ hở để trộm cắp tài sản. T đồng ý và điều khiển xe mô tô hiệu Exciter màu đỏ đen, biển số 43F1-016.83 chở S, khi đến quán tạp hóa cô L thuộc thôn C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (do ông Lê T làm chủ) T và S dừng xe lại và đi vào bên trong quán, T nói với S là canh chừng cho T để T trực tiếp thực hiện trộm cắp tài sản, T hỏi mua nước uống và khi chủ quán đi ra sau lấy nước thì T thò tay vào bên trong tủ

kính lấy được số tiền mặt 800.000 đồng. Số tiền này hai đối tượng chia đều nhau và sử dụng tiêu xài hết.

Lần 3: Vào khoảng 15 giờ ngày 18/1/2018 khi S và T ở nhà chồng của T thì T có rủ S đi tìm quán tạp hóa sơ hở để trộm cắp tài sản. Với thủ đoạn như những lần trước, T điều khiển xe mô tô hiệu Exciter màu đỏ-đen, biển số 43F1-016.83 chở S, khi đến quán tạp hóa của bà Đặng Thị Y thuộc thôn 5, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Cả 2 dừng xe và vào bên trong quán, T hỏi mua nước uống và thấy một cái hũ nhựa đựng card điện thoại, T nói với S là canh chừng để T trực tiếp trộm cắp tài sản, lợi dụng chủ quán không để ý T đã lấy hũ card điện thoại nói trên và tính tiền nước ra xe đi về, khi đến một đường hẻm T và S đếm số card trên gồm nhiều loại, mệnh giá khác nhau được tổng giá trị là 3.500.000 đồng. Số card này được hai đối tượng chia nhau sử dụng.

Lần 4 :Vào buổi sáng ngày 20/01/2018, S sử dụng xe mô tô hiệu Levin màu đỏ, mang biển số 43S3 – 7349 đến quán tạp hóa bà Nguyễn Thị H thuộc thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng để trộm cắp tài sản. Sau khi quan sát quán tạp hóa không có ai trông coi, S đi vào bên trong mở tủ kính lấy một số card điện thoại cùng một số tiền mặt cùng một số nắp bia trúng thưởng. S đã lấy số card điện thoại trị giá 3.000.000 đồng, số tiền mặt là 1.000.000 đồng cùng 150 cái nắp bia trúng thưởng trị giá 3.000.000 đồng. Tổng tài sản S trộm cắp được là 7.000.000 đồng. Số card điện thoại và số tiền mặt S đem sử dụng vào mục đích cá nhân, còn số nắp bia trúng thưởng do không bán được nên S đã vứt số nắp bia nói trên (không nhớ địa điểm vứt).

Lần 5: Vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 22/1/2018, T rủ S đi tìm nơi sơ hở để trộm cắp tài sản như những lần trước. T điều khiển xe mô tô hiệu Exciter màu đỏ đen mang biển số 43F1-016.83 chở S. Khi đến địa phận thôn K, xã H, huyện H, T phát hiện nhà của ông Nguyễn D bên trong có một cái máy tính bảng Samsung Galaxy Tab E màu trắng để đầu giường, sau một hồi quan sát không thấy ai ở trong nhà, T đứng ở ngoài xe canh chừng, S là người trực tiếp vào lấy, sau đó nhanh chóng lên xe tẩu thoát. T và S cùng đem máy tính bảng nói trên đến tiệm điện thoại Ngọc P do ông Nguyễn Ngọc P làm chủ để cầm cố với số tiền là 2.500.000 đồng, số tiền này được hai đối tượng chia nhau sử dụng tiêu xài hết.

Lần 6: Vào ngày 23/1/2018, với thủ đoạn như trên, S điều khiển xe mô tô hiệu LEVIN màu đỏ, mang biển số 43S3-7349 đến quán nước của bà Đoàn Thị Ngọc L thuộc thôn P, xã H, huyện H, sau đó S gọi điện thoại cho T nói đến quán nước này để trộm cắp tài sản. Khoảng 15 phút sau, T điều khiển xe mô tô hiệu Exciter màu đỏ-đen mang biển số 43F1-016.83 đến, T hỏi mua một cái card 10.000 đồng để thăm dò hộp đựng card điện thoại đang ở vị trí nào trộm cắp, sau đó T gọi nước uống đồng thời đi theo để đánh lạc hướng chủ quán. S là người trực tiếp đi vào trong quán lấy một bao nilon bên trong có đựng số card điện thoại gồm nhiều loại, mệnh giá khác nhau trị giá 800.000 đồng. Số card này được chia đều cho cả hai và tiêu xài cá nhân.

Ngoài ra Nguyễn Thị Phương T và Nguyễn Thị S còn khai nhận ngoài những lần trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng thì cả hai còn thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện D, tỉnh Quảng Nam vào năm 2017 (không rõ ngày tháng).

*** Tang vật tạm giữ:**

- Tiền mặt:

+ 5.350.000đ (Năm triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng)

+ 05 (năm) tờ 01 (một) USD; 04 (bốn) tờ 02 (hai) USD

- 01 (một) máy tính bảng hiệu Sam Sung Galaxy Tab E, màu trắng, số IMEI: 359594062234637 (không kiểm tra chất lượng máy)

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ, màn hình cảm ứng gắn sim thuê bao 01642280979 (không kiểm tra chất lượng máy).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy Note 2, màu đen, màn hình cảm ứng, hiệu số bản tạo: KOT49H.E250SKSUKNIZ (không kiểm tra chất lượng máy).

- 01 (một) xe máy nhãn hiệu LEVIN, màu đỏ, mang biển số: 43S3 – 7349, số máy: 005678, số khung: 005678 (không kiểm tra chất lượng xe).

- 01 (một) thẻ ATM HDBank mang tên Nguyễn Thị S, số seri: 9704375109518981.

- 01 (một) giấy CMND mang tên Nguyễn Thị S, số CMND: 206240341.
- 01 (một) giấy đăng ký mô tô, xe máy, số: 0134745, mang tên Lê Thị Diễm T.
- 01 (một) điện thoại di động hiệu SamSung J5 Prime, IMEI: 355079/08/15083310, IMEI: 355080/08/15083318, gắn số sim: 0932010604 (không kiểm tra chất lượng máy).
- 01 (một) xe mô tô hiệu SH125, mang biển số: 92H1 – 193.74, số khung: 4215DY021093, số máy: JF42E0021130 (không kiểm tra chất lượng xe)
- 01 (một) Giấy đăng ký xe mang tên Phạm Thị Thúy K, biển số đăng ký: 92H1 – 193.74 và số 024394.
- 01 (một) giấy mua bán xe viết tay mang tên Lê Công H.
- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân Photo mang tên Phạm Thị Thúy K, số 206235770.
- 20 (hai mươi) card điện thoại. 03 card vietnammobile: 50.000đ; 06 card vietnammobile: 20.000đ; 06 card Gmobile: 50.000đ; 01card viettel: 20.000đ; 01 card mobifone: 10.000đ; 03 card mobifone: 20.000đ;
- * Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 08/KLGD ngày 05/02/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Hòa Vang, xác định: 01 (một) máy tính bảng hiệu Sam Sung Galaxy Tab E, màu trắng, số IMEI: 359594062234637 trị giá của tài sản này là 4.041.000đ (*Bốn triệu không trăm bốn mươi một ngàn đồng*).

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKS-HV ngày 22/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Phương T và Nguyễn Thị S về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị HĐXX

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; Điều 17; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Thị Phương T từ 30 đến 36 tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; Điều 17; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Thị S từ 24 đến 30 tháng tù.

Về tang vật: Đề nghị HĐXX trả lại cho Phạm Thế T 01 (một) xe máy nhãn hiệu LEVIN, màu đỏ, mang biển số: 43S3 – 7349, số máy: 005678, số khung: 005678 (không kiểm tra chất lượng xe).

Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước: ½ giá trị xe mô tô hiệu SH125, mang biển số: 92H1 – 193.74, số khung: 4215DY021093, số máy: JF42E0021130 (không kiểm tra chất lượng xe); 20 (hai mươi) card điện thoại. 03 card vietnammobile: 50.000đ; 06 card vietnammobile: 20.000đ; 06 card Gmobile: 50.000đ; 01 card viettel: 20.000đ; 01 card mobifone: 10.000đ; 03 card mobifone: 20.000đ.

Tại phiên tòa, quá trình xét hỏi bị cáo Nguyễn Thị Phương T và Nguyễn Thị S thừa nhận hành vi phạm tội như trong bản cáo trạng đã truy tố.

Người bị hại bà Nguyễn Thị H trình bày: Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo vì các bị cáo đều đang nuôi con nhỏ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T trình bày: Trong thời gian mua chiếc xe mô tô hiệu SH125, mang biển số: 92H1 – 193.74 thì vợ chồng ông đang xảy ra mâu thuẫn, tiền mua xe là của ông T bỏ ra, bà T không có nghề nghiệp gì, do đó chiếc xe này là tài sản của ông T. Ông T thường xuyên đi làm xa nên không biết bà T lấy xe đi thực hiện hành vi phạm tội. Đề nghị HĐXX xem xét trả lại cho ông chiếc xe này để ông có phương tiện đi làm ăn.

Bị cáo Nguyễn Thị Phương T và Nguyễn Thị S nói lời nói sau cùng: Các bị cáo biết hành vi của mình là sai, mong HĐXX xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa Vang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo Nguyễn Thị Phương T và Nguyễn Thị S tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó có cơ sở để xác định: Bản cáo trạng số 32/CT-VKSHHV ngày 22/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Phương T và Nguyễn Thị S phạm tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội và có cơ sở pháp luật.

[3] Xét hành vi, tính chất, mức độ phạm tội do các bị cáo gây ra thì thấy:

Nguyễn Thị Phương T và Nguyễn Thị S là người có sức khỏe lao động nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nhưng không phải lao động nên đã rủ rê, cấu kết, lén lút cùng nhau trộm cắp tài sản là tiền, card điện thoại và các tài sản khác dễ cất giấu mang đi của những quán tạp hóa và nhà dân trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng với phương thức, thủ đoạn là đi tìm quán tạp hóa không có người trông coi, chủ sở hữu sơ hở, mất cảnh giác thì T hoặc S vào thực hành, người còn lại có vai trò là người giúp sức, cảnh giới cho người kia để lấy tài sản rồi chiếm đoạt chia nhau tiêu xài cá nhân. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, coi thường pháp luật, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm đến trật tự quản lý Nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có, mà còn làm mất trật tự an toàn xã hội.

Xét vai trò và nhân thân của từng bị cáo trong vụ án thì thấy:

Trong thời gian tháng 12/2017 đến tháng 1/2018, khi nghe bị cáo Nguyễn Thị Phương T rủ đi trộm cắp tài sản thì Nguyễn Thị S đồng ý. Các bị cáo T và S đi tìm các quán tạp hóa hoặc nhà dân sơ hở, không người trông coi thì phân công một người vào trong tủ đựng hàng lấy tài sản còn người kia đứng ngoài cảnh giới hoặc giả vờ vào mua hàng, lợi dụng lúc chủ quán đi lấy hàng, chủ sở hữu không để ý, mất cảnh giác để người kia vào thực hiện hành vi lấy tài sản rồi chia nhau tiêu xài. Các bị cáo cố ý cùng tham gia phạm tội và có sự thống nhất ý chí với nhau, giữa các bị cáo có sự bàn bạc, phân công vai trò cho từng người khi thực hiện hành vi phạm tội, thực hiện hành vi phạm tội cùng cách thức và thời gian thực hiện liên tục nên thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức.

Nguyễn Thị Phương T là người có vai trò tích cực, quan trọng trong các lần phạm tội, T là người rủ rê, phân công vai trò và thực hành, S là người cảnh giới, có lúc S là người rủ rê, thực hành, T là người cảnh giới và giúp sức cho T thực hiện trót lọt các lần phạm tội.

Nguyễn Thị Phương T đã cùng S 03 lần lén lút trộm cắp tài sản là trộm card điện thoại của bà Nguyễn Thị H trị giá 3.500.000đ và bà Đặng Thị Y trị giá

3.500.000đ, trộm máy tính bảng Sam sung Galaxy TabE của ông Nguyễn D trị giá 4.041.000đ vào các ngày 27/11/2017, 18/01/2018 và 22/01/2018. Ngoài ra, T cùng S tham gia 03 lần trộm cắp tài sản có giá trị dưới 2.000.000đ là trộm tài sản của ông Lê T 800.000đ, card điện thoại của bà Đoàn Thị Ngọc L trị giá 800.000đ và bà Nguyễn Thị S 1.830.000đ, vào cuối tháng 12/2017, 23/01/2018 và 25/01/2018, tổng giá trị tài sản T trộm cắp là 14.471.000đ.

Ngoài những lần cùng Nguyễn Thị Phương T thực hiện trộm cắp tài sản, Nguyễn Thị S còn thực hiện trộm cắp tài sản là card điện thoại, nắp bia trúng thưởng và số tiền 1.000.000đ của bà Nguyễn Thị H trị giá 7.000.000đ vào ngày 20/01/2018, tổng giá trị tài sản S trộm cắp là 21.471.000đ.

Như vậy hành vi của Nguyễn Thị Phương T và Nguyễn Thị S đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa và giáo dục chung.

Bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội 03 lần, bị cáo S thực hiện hành vi phạm tội 04 lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Nguyễn Thị Phương T có nhân thân xấu đã bị đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi trộm cắp tài sản. Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo, các bị cáo đã bồi thường cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, gia đình bị cáo S có công cách mạng là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra Nguyễn Thị Phương T và Nguyễn Thị S còn khai nhận ngoài những lần trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện H, TP. Đà Nẵng thì cả hai còn thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện D, tỉnh Quảng Nam vào năm 2017 (không rõ ngày tháng), Công an huyện H đã chuyển thông tin đến Công an huyện D để xử lý là đúng quy định.

***Về phần dân sự:**

Các bị cáo Nguyễn Thị Phương T và Nguyễn Thị S đã bồi thường cho bị hại là bà Nguyễn Thị H số tiền 10.500.000đ, bà Đoàn Thị Ngọc L số tiền là 800.000đ, bà Đặng Thị Y số tiền 3.500.000đ, ông Lê T số tiền 800.000đ, bà Nguyễn Thị S đã nhận lại số tiền 1.830.000 đồng do T và S đã chiếm đoạt, ông Nguyễn D đã nhận lại 01 máy tính bảng hiệu Sam sung Galaxy Tab E, màu trắng mà T và S đã chiếm đoạt được và những người bị hại không có yêu cầu hay ý kiến gì thêm nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 3.520.000 đồng, 05 tờ 01 USD, 04 tờ 02 USD, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ, màn hình cảm ứng gắn sim thuê bao 01642280979, 01 điện thoại hiệu Samsung Galaxy Note 2, màu đen, màn hình cảm ứng, 01 thẻ HD Bank mang tên Nguyễn Thị S, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị S, số CMND: 206240341. Những tài sản của Nguyễn Thị S và không liên quan đến vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho Nguyễn Thị S là có cơ sở.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung J5 Prime, gắn sim 0932010604. Đây là tài sản của Nguyễn Thị Phương T, tài sản này không liên quan đến vụ án, cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho Nguyễn Thị Phương T là có cơ sở.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu LEVIN, màu đỏ, mang biển số 43S3-7349, số máy và số khung là 005678 và 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Lê Thị Diễm T. Chị Lê Thị Diễm T là người đứng tên sở hữu chiếc xe này, cha của chị T là ông Lê H đã bán chiếc xe này cho ông Nguyễn Văn T, anh T bán xe này lại cho Phạm Thế T. Việc Phạm Thế T cho Nguyễn Thị S mượn xe nhưng không biết S mượn xe để đi trộm cắp tài sản nên HĐXX tuyên trả lại chiếc xe này và 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Lê Thị Diễm T cho Phạm Thế T.

Đối với 01 xe mô tô hiệu SH125, mang biển số 92H1-193.74, số khung 4215DY021093, số máy JF42E0021130 và 01 giấy đăng ký xe mang tên Phạm Thị Thúy K, chị Phạm Thị Thúy K là người đứng tên sở hữu xe mô tô này, chị K bán xe này cho anh Lê Công H, anh H bán lại cho anh Nguyễn Thanh T là chồng của Nguyễn Thị Phương T. Trong thời gian T mua chiếc xe này thì T và T đang xảy ra mâu thuẫn, T không có nghề nghiệp ổn định, tiền mua xe là của T, việc T sử dụng xe này làm phương tiện trộm cắp tài sản, nhưng T không biết gì nên HĐXX tuyên trả chiếc xe này cho T là phù hợp.

Đối với 20 card điện thoại thu giữ trên người Nguyễn Thị S gồm có 03 card vietnammobile 50.000đ; 06 card vietnammobile 20.000đ; 06 card Gmobile 50.000đ; 01 card Viettel 20.000đ; 01 card mobifone 10.000đ; 03 card mobifone 20.000đ. Đây là số tài sản S trộm cắp được trong các lần trước trên địa bàn huyện Hòa Vang còn lại chưa tiêu xài hết nên tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với xe mô tô hiệu Exciter màu đỏ đen, biển số 43F1-016.83, đây là xe của anh Nguyễn Thanh T là chồng của Nguyễn Thị Phương T, hiện Công an huyện D, tỉnh Quảng Nam đang tạm giữ xe mô tô này để giải quyết 01 vụ án khác mà Nguyễn Thị Phương T đã thực hiện trên địa bàn huyện D, tỉnh Quảng Nam nên HĐXX không đề cập xử lý.

Đối với Nguyễn Ngọc P nhận cầm cố 01 máy tính bảng Samsung Galaxy Tab E màu trắng do Nguyễn Thị Phương T và Nguyễn Thị S trộm cắp được với giá

là 2.500.000đ. Khi cầm cổ thì ông P không biết đó là tài sản do T và S trộm cắp được nên không xử lý hình sự đối với ông P là có căn cứ. Đồng thời ông P yêu cầu T và S trả lại số tiền đã cầm cổ là 2.500.000đ. Sau khi nhận đủ số tiền như đã yêu cầu từ T và S thì ông P không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

Tất cả vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang đang giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/7/2018

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị S và Nguyễn Thị Phương T phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20.6.2017 Quốc hội; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự Bộ luật hình sự. Xử phạt: Nguyễn Thị Phương T 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20.6.2017 Quốc hội; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự Bộ luật hình sự. Xử phạt: Nguyễn Thị S 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước 20 card điện thoại gồm có 03 card vietnammobile 50.000đ; 06 card vietnammobile 20.000đ; 06 card Gmobile 50.000đ; 01 card Viettel 20.000đ; 01 card mobifone 10.000đ; 03 card mobifone 20.000đ .

Tuyên trả lại cho Phạm Thế T 01 xe mô tô nhãn hiệu LEVIN, màu đỏ, mang biển số 43S3-7349, số máy và số khung là 005678 và 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Lê Thị Diễm T.

Tuyên trả lại cho Nguyễn Thanh T 01 xe mô tô hiệu SH125, mang biển số 92H1-193.74, số khung 4215DY021093, số máy JF42E0021130 và 01 giấy đăng ký xe mang tên Phạm Thị Thúy K.

Tất cả vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang đang giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/7/2018

Về án phí : Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh T có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay, ngày 06/9/2018. Riêng những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- CA huyện Hòa Vang;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- VKSND TP Đà Nẵng
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương Thảo

